

BÁO CÁO GIÁ THỊ TRƯỜNG
Tháng 02 năm 2024

Căn cứ Thông tư số 116/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ báo cáo giá thị trường.

Sở Tài chính báo cáo giá thị trường tháng 02 năm 2024, như sau:

1. Tỷ lệ tăng giảm so với tháng trước

- Tết Nguyên đán Giáp Thìn rơi vào tháng 02/2024 nên nhu cầu mua sắm của người dân tăng, giá hàng hóa và dịch vụ tăng theo xu thế tiêu dùng vào dịp Tết (chủ yếu giá tăng ở các mặt hàng lương thực, thực phẩm như gạo, thịt heo, trái cây, tôm khô, mực khô, cá khô các loại; đồ uống; quần áo; giày dép; giá gas, xăng dầu;...). Chỉ số giá tiêu dùng tháng 02/2024 tăng 1,2% so với tháng trước; tăng 2,02% so với tháng 12/2023; tăng 4,36% so với cùng tháng năm trước và bình quân 02 tháng đầu năm 2024 so cùng kỳ tăng 4,09%; chỉ số giá vàng và đô la Mỹ trong tháng tăng cùng chiều với giá trên thị trường thế giới (Theo Báo cáo tháng 02/2024 của Cục Thống kê tỉnh Sóc Trăng).

- Nhóm lương thực, thực phẩm: Tăng 6,78%.
- Nhóm vật tư nông nghiệp: Tăng 2%.
- Đồ uống: Không tăng, giảm (do danh mục lấy giá chủ yếu là bia, rượu).
- Nhóm vật liệu xây dựng, chất đốt, nước sinh hoạt: Tăng 4,6%.
- Nhóm giao thông: Tăng 2,2%.
- Nhóm giáo dục: Không tăng, giảm.
- Vàng 99,99% nhẫn trơn: Tăng 1,47%.
- Đôla Mỹ: Tăng 0,06%.

2. Diễn biến giá cả của một số hàng hóa, dịch vụ cụ thể:

a) Lương thực

Giá lúa tươi thương lái mua tại ruộng vụ Đông Xuân như sau: Lúa Tài nguyên giá 10.000 đồng/kg – 10.500 đồng/kg, lúa Nhật giá 10.500 đồng/kg – 11.000 đồng/kg, lúa ST 25 giá bán 10.500 đồng/kg – 11.000 đồng/kg,

Giá gạo bán lẻ tại chợ truyền thống như sau: Gạo tẻ thường giá bán 16.000 đồng/kg – 17.000 đồng/kg, gạo Tài nguyên giá bán 18.000 đồng/kg – 19.000 đồng/kg, gạo ST 25 giá bán 30.000 đồng/kg – 35.000 đồng/kg.

b) Thực phẩm

Giá bình quân của các loại thực phẩm trước Tết biến động không đáng kể so với tháng trước, giá bình quân tăng nhẹ so với trước Tết năm trước:

- Giá heo hơi dao động từ 53.000 đồng/kg đến 56.000 đồng/kg (không tăng so với năm trước), thịt ba rọi heo giá bán từ 120.000 đồng/kg đến 130.000 đồng/kg, nạc thăn heo giá bán từ 130.000 đồng/kg – 140.000 đồng/kg (giá thịt bán tăng nhẹ khoảng 5-8% so với năm trước cùng thời điểm).

- Cá lóc ruộng giá bán từ 120.000 đồng/kg đến 150.000 đồng/kg. Trứng vịt tươi có giá 3.000 đồng/trứng – 3.800 đồng/trứng (tăng khoảng 500 đồng/trứng so với cùng kỳ năm trước), trứng gà ta giá bán từ 3.500 đồng/trứng – 3.600 đồng/trứng, cua biển loại 2-3 con/kg (cua thịt) có giá 250.000 đồng/kg – 270.000 đồng/kg.

- Bắp cải trắng có giá bán từ 15.000 đồng/kg đến 18.000 đồng/kg, cải ngọt có giá bán từ 12.000 đồng/kg đến 15.000 đồng/kg, bí đỏ có giá bán từ 10.000 đồng/kg đến 15.000 đồng/kg, xà lách có giá bán từ 20.000 đồng/kg đến 25.000 đồng/kg, cà rốt có giá bán từ 25.000 đồng/kg đến 27.000 đồng/kg.

- Bưởi da xanh có giá bán từ 25.000 đồng/kg – 30.000 đồng/kg, cam sành có giá bán từ 10.000 đồng/kg – 15.000 đồng/kg, quýt đường có giá bán từ 50.000 đồng/kg – 60.000 đồng/kg.

c) Chất đốt

Giá gas tăng 5.000 đồng/bình 12 kg tương đương tăng 1,1% so tháng trước, giá bán lẻ gas Petimex bình 12 kg là 451.000 đồng/bình (giá tháng trước là 446.000 đồng/bình).

d) Giao thông

Trong tháng, xăng dầu có các lần điều chỉnh giá cụ thể sau:

| Xăng, dầu | 01/02/2024 | 15/02/2024 | 08/02/2024 | 22/02/2024 | 29/02/2024 |
|-----------------|------------|------------|------------|------------|------------|
| Ron 95-III | 24.640 | 24.380 | 23.720 | 24.060 | 24.390 |
| E5 Ron 92-II | 23.360 | 23.280 | 22.560 | 22.910 | 23.200 |
| Điezen 0,01S-V | 22.400 | 22.790 | 22.110 | 22.330 | 22.190 |
| Điezen 0,05S-II | 21.400 | 21.780 | 21.110 | 21.320 | 21.180 |
| Dầu hỏa 2-K | 21.330 | 21.640 | 20.990 | 21.330 | 21.190 |

e) Giá vàng và đô la Mỹ

Trong tháng, vàng nhẫn 99,99% giá bán bình quân khoảng 6.371.300 đồng/chỉ, tiếp tục tăng 92.300 đồng/chỉ (tương đương tăng 1,47%) so với giá bán ra bình quân tháng trước (tháng trước là 6.279.000 đồng/chỉ); giá cao nhất là 6.500.000 đồng/chỉ, thấp nhất là 6.350.000 đồng/chỉ.

Tỷ giá của đồng đô la Mỹ tăng 16 đồng/USD (tương đương tăng 0,06 %) ở cả 2 chiều mua vào và bán ra. Trung bình trong tháng: Tỷ giá bán ra của đồng

đô la Mỹ là 24.661 đồng/USD, tỷ giá mua vào tiền mặt là 24.290 đồng/USD, mua vào chuyển khoản 24.321 đồng/USD (Nguồn: Tỷ giá đồng đô la Mỹ tại Ngân hàng Vietcombank).

3. Thống kê mức giá hàng hóa, dịch vụ theo danh mục quy định tại Điều 7, Thông tư số 116/2018/TT-BTC (Đính kèm Phụ lục 1)

Giá tại báo cáo này là giá bình quân trong tháng được thu thập chủ yếu bằng phỏng vấn trực tiếp, dùng để tham khảo, không dùng để thanh, quyết toán. Việc thanh, quyết toán phải thực hiện phù hợp theo quy định hiện hành.

4. Tình hình thực hiện công tác quản lý nhà nước về giá của địa phương đã triển khai trong kỳ báo cáo

- Công tác kê khai giá được duy trì thực hiện thường xuyên, trong tháng các mặt hàng có sự biến động kê khai chủ yếu là các mặt hàng xăng, dầu, gas, thép.

- Chủ động theo dõi diễn biến tình hình thị trường, nhất là các mặt hàng như xăng, dầu, gas, vàng...

- Tham gia Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tổ tụng hình sự; Hội đồng định giá theo vụ việc của Tòa án.

- Thẩm định giá dự toán mua sắm tài sản, trang thiết bị theo đề nghị của các đơn vị.

- Thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu mua sắm tài sản, trang thiết bị theo đề nghị của các đơn vị.

- Thẩm định giá đất cụ thể thực hiện bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; giá mua sắm tài sản trang thiết bị theo yêu cầu của cơ quan đơn vị trên địa bàn tỉnh.

Trên đây là báo cáo giá thị trường tháng 02 năm 2024 của Sở Tài chính tỉnh Sóc Trăng./.

Nơi nhận:

- Cục Quản lý Giá;
- csgia@mof.gov.vn;
- VP UBND tỉnh;
- Cơ sở Giáo dục bắt buộc Cồn Cát;
- Cổng Thông tin điện tử STC;
- Lưu: VP, GCSDN.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Trần Kim Huy